TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP.BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **332/**2023/HS-ST
Ngày 07/11/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Viết Thống

Ông Nguyễn Lập Tiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Ngọc Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2023, tại phòng xử án A, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 338/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Anh T (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 10 tháng 3 năm 1992; Tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ĐKTT và cư trú: Số C Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; con ông Lê Hữu H, sinh năm 1960; Con bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1963; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày 24/7/2023 cho đến nay – *Có mặt.*

- *Người bị hại:* Bà Lưu Thị N, sinh năm: 1975. Trú tại: Số A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk *(vắng mặt).*

- *Người làm chứng:* Bà Hồ Thị L, sinh năm: 1972. Trú tại: Số B L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 18/7/2023, Lê Anh T đi bộ từ nhà, đến khu vực đền Ông C, ở địa chỉ: A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thì thấy bà Lưu Thị N và bà Hồ Thị L đi vào đền Ông C trên tay cầm 01 túi xách nữ màu nâu, có họa tiết màu vàng, kích thước (12x18x23)cm, có quai xách, nên T nảy sinh ý định chờ bà N đi ra để cướp giật túi xách của bà N.

Khoảng 30 phút sau, bà N và bà L đi bộ ra khỏi đền Ông C, hướng đi về phía T. Lúc này bà N cầm túi xách trên tay trái đi đến vị trí cách T khoảng 50 cm thì T đã dùng tay phải giật lấy túi xách của bà N rồi nhanh chóng chạy bộ theo bờ suối bên hông đền Ông C tẩu thoát. Chạy được khoảng 200m thì T dừng lại và mở chiếc túi xách ra kiểm tra, thấy bên trong túi xách có số tiền 90.000đồng (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 50.000đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 20.000đồng) và một Căn cước công dân mang tên Lưu Thị N. T lấy số tiền 90.000đồng, bỏ lại chiếc túi xách cùng căn cước công dân và đi theo bờ suối về nhà, sau đó, T tiêu xài cá nhân hết số tiền 80.000đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 151/KL-HĐĐGTS ngày 16/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 túi xách nữ màu nâu, có họa tiết màu vàng, kích thước (12x18x23)cm, có quai xách tay, có chữ Jinshimao, đã qua sử dụng, trị giá: 150.000đồng.

Cáo trạng số 338/CT-VKS-HS ngày ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Lê Anh T về tội *"Cướp giật tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đồng thời đề cập các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đề nghị HĐXX:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Anh T phạm tội *"Cướp giật tài sản"*. Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS:

Xử phạt bị cáo Lê Anh T mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày chấp hành án.

- Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại 01 túi xách nữ màu nâu, 01 căn cước công dân mang tên Lưu Thị N và số tiền 10.000đồng cho chủ sở hữu.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

Bị cáo không tranh luận gì thêm. Bị cáo nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì và khiếu nại về hành vi của những người tiến hành tố tụng, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, người bị hại vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra những người này đều đã có lời khai, nội dung vụ án đã được làm rõ nên việc xét xử vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 là phù hợp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua đó có đủ căn cứ kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác nên khoảng 08 giờ 30 phút ngày 18/7/2023, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Lê Anh T đã cướp giật tài sản của bà Lưu Thị N 01 túi xách nữ cầm tay, màu nâu, trị giá 150.000đồng, bên trong có số tiền 90.000đồng. Tổng giá trị tài sản cướp giật là 240.000đồng. Hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố về tội *"Cướp giật tài sản"*, theo quy định tại khoản 1 Điều 171 BLHS năm 2015 là có căn cứ pháp luật.

Khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm…"

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương nên cần áp dụng mức hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được người bị hại làm đơn bãi nại và có thời gian tham gia quân ngũ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên cần chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Quá trình điều tra xác định, 01 túi xách nữ màu nâu, có hoạ tiết màu vàng, kích thước (12x18x23)cm, có quai xách tay, có chữ Jinshimao; 01 căn cước công dân mang tên Lưu Thị N và số tiền 10.000 đồng, là tài sản và giấy tờ tùy thân thuộc quyền sở hữu của bà Lưu Thị N. Ngày 21/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại các tài sản và giấy tờ tùy thân trên cho bà Lưu Thị N quản lý, sử dụng là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 46, 48 Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự:

Sau khi nhận lại tài sản và giấy tờ tùy thân, bà Lưu Thị N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Đối với số tiền 80.000 đồng mà bị cáo Lê Anh T đã tiêu xài cá nhân hết, bà Lưu Thị N không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Anh T phạm tội *"Cướp giật tài sản"*.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Lê Anh T 01 (một) năm 06 (S) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày chấp hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại 01 túi xách nữ màu nâu, 01 căn cước công dân và số tiền 10.000đồng cho bà Lưu Thị N là chủ sở hữu nhận quản lý sử dụng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 46, 48 Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự:

Bà Lưu Thị N không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Anh T phải nộp 200.000đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- CQCSĐT Công tp. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS tp. Buôn Ma Thuột;
- Sở tư pháp;
- Phòng HSNVCA Đắk Lắk;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH